

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRANG TRẠI Ở TỈNH THÁI NGUYÊN

TS. Ngô Xuân Hoàng

Trường Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật Thái Nguyên

*Với nguồn quỹ đất khá phong phú và lực lượng lao động dồi dào thuận lợi cho phát triển nông lâm nghiệp, công nghiệp chế biến thì việc phát triển kinh tế trang trại ở tỉnh Thái Nguyên là một định hướng đúng đắn. Phát triển kinh tế trang trại sẽ góp phần chuyển nền nông nghiệp truyền thống sang nền nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn góp phần vào thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp- nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Trong những năm qua, kinh tế trang trại ở Thái Nguyên đã khởi sắc và phát triển. Doanh thu từ kinh tế trang trại năm 2009 là hơn 116 tỷ đồng, thu hút được 1.812 người lao động trong lĩnh vực trang trại. Mô hình trang trại chủ yếu là mô hình VAC (Vườn –Ao–Chuồng), mô hình này bổ trợ và gắn kết với nhau một cách hài hòa, hợp lý và tương đối tối ưu trong ngành nông nghiệp. Trong thời gian tới, để phát triển kinh tế trang trại mạnh mẽ hơn nữa kể cả quy mô, số lượng thì phải giải quyết đồng bộ các vấn đề như: luật pháp, đất đai, lao động, vốn, khoa học kỹ thuật, chế biến, tiêu thụ,... Trong đó yêu cầu về vốn có một vai trò, vị trí hết sức quan trọng trong giai đoạn hiện nay.*

## 1. Vai trò của Kinh tế trang trại đối với Phát triển Kinh tế-Xã hội tỉnh Thái Nguyên

Thái Nguyên là một tỉnh trung du miền núi phía Bắc, có diện tích tự nhiên 3.542,6 km<sup>2</sup>, Phía Bắc giáp Bắc Kạn, Phía tây giáp Vĩnh Phúc, Tuyên Quang, phía đông giáp Lạng Sơn, Bắc Giang, phía Nam giáp với thủ đô Hà Nội. Thái Nguyên có 7 huyện, 1 thành phố, 1 thị xã với tổng số 180 đơn vị hành chính cấp xã, phường. Tổng diện tích đất tự nhiên toàn tỉnh là 354.264 ha trong đó: Đất nông nghiệp 95.871 ha chiếm 27%. Đất lâm nghiệp có rừng 152.275 ha chiếm 43%, độ che phủ đạt 43%. Đất chuyên dùng 21.237 ha chiếm 6%. Đất ở 8.500 ha chiếm 2,4%. Đất chưa sử dụng 76.381 ha chiếm 21,6%. Đến năm 2010, tỉnh Thái Nguyên có 1.085.872 dân, trong đó nam chiếm 49,8%, nữ chiếm 50,2%. Số người trong độ tuổi lao động là 742.054 người chiếm 68,3%. Với nguồn quỹ đất khá phong phú, thuận lợi cho phát triển nông lâm nghiệp, công nghiệp chế biến cùng với lực lượng lao động dồi dào thì đây cũng là nhân tố tích cực cho phát triển kinh tế trang trại nói riêng, phát triển công

nông nghiệp nói chung trên địa bàn tỉnh.

Trong những năm gần đây Thái Nguyên đã có nhiều chính sách nhằm tạo động lực phát triển cho nông nghiệp nói chung và kinh tế trang trại nói riêng, các chính sách ưu đãi nhằm định hướng và phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa. Các chính sách này bước đầu đã tạo điều kiện cho kinh tế trang trại của tỉnh khởi sắc và phát triển. Doanh thu từ kinh tế trang trại năm 2009 là hơn 116 tỷ đồng, thu hút được 1.812 người lao động trong lĩnh vực trang trại- chủ yếu là các chủ hộ. Mô hình trang trại chủ yếu là mô hình VAC (Vườn –Ao–Chuồng), mô hình này bổ trợ và gắn kết với nhau một cách hài hòa, hợp lý và tương đối tối ưu của ngành nông nghiệp. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, mặt tích cực nêu trên, kinh tế trang trại tỉnh Thái Nguyên cũng còn một số tồn tại đó là số lượng ít, manh mún, dàn trải, vốn đầu tư thấp, chủ yếu là tự phát chưa có tổ chức hoàn chỉnh, chủ trang trại trình độ khoa học kỹ thuật còn thấp... Đó là những vấn đề mà trong bài viết này chúng tôi muốn tập trung giải quyết để góp phần vào sự phát triển mạnh mẽ hơn nữa của mô

hình kinh tế trang trại ở tỉnh Thái Nguyên.

## 2. Đặc điểm trang trại và kinh tế trang trại ở tỉnh Thái Nguyên

### a. Tình hình phân bố và loại hình sản xuất của trang trại.

\* *Vùng thấp*: Số liệu ở bảng 1 cho thấy, vùng này có 118 trang trại, chiếm 20,1%. Đây là vùng có ít trang trại nhất trong toàn tỉnh. Loại hình trang trại chủ yếu là trang trại chăn nuôi (chiếm 71,2%), sau đó là trang trại lâm nghiệp (11,8%), trang trại kinh doanh tổng hợp (6,8%) và trang trại nuôi trồng thủy sản (4,2%). Nhìn chung, kinh tế trang trại vùng thấp phát triển mạnh mẽ nhất, tuy diện tích đất bình quân của trang trại chỉ có 2,07 ha/trang trại, chỉ bằng 17,7% diện tích của trang trại vùng cao nhưng giá trị sản xuất kinh doanh bình quân của 1 trang trại là 285.557.000.đ (bằng 255,7% so với vùng cao), thu nhập bình quân trên một trang trại là 67.405.000.đ (bằng 201% so với vùng cao). Nhìn chung vùng này sản xuất kinh doanh của trang trại có hiệu quả cao hơn nhiều so với các vùng khác, yếu tố chủ yếu vẫn là do điều kiện tự nhiên và trình độ của chủ trang trại.

\* *Vùng giữa*: có 268 trang trại (chiếm 45,6%) trong tổng số trang trại của toàn tỉnh. Vùng này phát triển chủ yếu loại hình trang trại chăn nuôi (chiếm tới 76,5%) sau đó là trang trại cây lâu năm (chiếm 15,7%), trang trại kinh doanh tổng hợp (chiếm 4,11%); cuối cùng là trang trại trồng cây ăn quả và trang trại trồng cây hàng năm. Do diện tích đất bình quân của trang trại thấp nên các chủ trang trại chỉ tập trung đầu tư vào chăn nuôi gia súc và gia cầm, tiện cho việc cung cấp sản phẩm cho vùng Thành phố. Vùng này có rất nhiều ưu thế như: cơ sở hạ

tầng thuận lợi, tiếp cận với khoa học kỹ thuật, điều kiện tiêu thụ sản phẩm dễ dàng, việc huy động lao động nhân rỗi dễ dàng hơn các vùng khác. Thu nhập bình quân lao động trong vùng đạt 41.176.000 đ, giá trị hàng hóa bán ra trên lao động cao, đạt 70,67 triệu đồng (cao nhất vẫn là trang trại chăn nuôi, đạt 82,53 triệu đồng).

\* *Vùng cao*: Tổng số trang trại là 202 chiếm 34,3% số lượng trang trại toàn tỉnh. Kinh tế trang trại vùng núi cao phát triển kém nhất trong ba vùng, chủ yếu là tự phát, các loại hình trang trại thiên về xu hướng lâm nghiệp và trồng cây lâu năm. Trang trại lâm nghiệp chiếm 33,7%, trồng cây lâu năm 10,4%, chăn nuôi chiếm 39%. Có ba loại hình trang trại chiếm tỷ lệ ít nhất (chưa đến 3%) là trang trại nuôi trồng thủy sản và trang trại trồng cây ăn quả và cây hàng năm. Số trang trại ở vùng này còn hạn chế là do trình độ dân trí thấp, thiếu vốn, thiếu thông tin nên việc đầu tư cho phát triển trang trại còn nhiều hạn chế.

Bảng 1 cho ta thấy loại hình trang trại chăn nuôi phát triển nhất, trang trại nuôi trồng thủy sản, trồng cây hàng năm và cây ăn quả phát triển còn hạn chế. Thế mạnh của vùng giữa và vùng thấp là trang trại chăn nuôi, vùng cao là chăn nuôi kết hợp với trồng rừng. Cần phải định hướng phát triển loại hình trang trại nuôi trồng thủy sản ở vùng cao, vì hiện nay tiềm năng phát triển loại hình trang trại ở vùng là rất lớn nhưng hiện nay chưa được khai thác.

### b. Đất đai của trang trại của tỉnh Thái Nguyên

Qua bảng 2 ta thấy diện tích đất dùng cho trang trại của vùng giữa và vùng thấp tương đương nhau và quỹ đất tương đối hạn chế, chủ yếu là các trang trại có quy mô dưới 5 ha, chiếm 66%. Loại hình

**Bảng 1: Phân bố và Loại hình trang trại tỉnh Thái Nguyên năm 2010**

Loại hình TT	Toàn tỉnh		Vùng thấp		Vùng giữa		Vùng cao	
	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)	SL	TL (%)
1. Phân bố trang trại	588	100	118	20,1	268	45,6	202	34,3
2. Loại hình trang trại	588	100	118	100	268	100	202	100
2.1. Trồng cây hàng năm	14	2,38			8	2,98	6	2,97
2.2. Trồng cây lâu năm	70	11,9	7	5,9	42	15,67	21	10,4
2.3. Trồng cây ăn quả	6	1,02			2	0,74	4	1,9
2.4. Chăn nuôi	370	62,9	84	71,2	205	76,49	79	39,1
2.5. Lâm nghiệp	81	13,7	14	11,8			68	33,7
2.6. Nuôi Trồng T. sản	9	1,6	5	4,2			5	2,5
2.7. SX KD tổng hợp	38	6,5	8	6,8	11	4,11	19	9,4

*Nguồn: Số liệu điều tra.*

**Bảng 2: Đất đai của trang trại tỉnh Thái Nguyên năm 2010**

Loại hình TT	Toàn tỉnh	Vùng thấp	Vùng giữa	Vùng cao
1. Diện tích BQ/ TT (ha)	4,89	2	0,96	11,7
+ Đất trồng cây hàng năm	0,3	0,93	0,27	2,1
+ Đất trồng cây lâu năm	0,5	1,6	0,34	2,5
+ Đất lâm nghiệp	4	3,1	0,31	46,7
+ Đất cho thủy sản	0,6	0,16	0,04	1,09
2. Tổng diện tích (ha)	2878	245	259	2374

Nguồn: số liệu điều tra.

trang trại chủ yếu trồng cây hàng năm, cây ăn quả, chăn nuôi và kinh doanh tổng hợp. Quy mô từ 6-30 ha chiếm 20% chủ yếu là các trang trại lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản ở vùng cao, địa hình phức tạp chiếm tỷ trọng rất lớn. Nếu tính số chi phí bỏ ra trên một đơn vị diện tích bình quân (ha) thì ta thấy chi phí cho trang trại vùng cao là quá thấp so với hai vùng còn lại. Nếu mạnh dạn đầu tư vào kinh tế trang trại ở vùng này thì đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

### c. Lao động trong trang trại của tỉnh Thái Nguyên

Thông qua bảng 3 ta thấy số lượng lao động bình quân trên trang trại ở vùng cao nhiều hơn vùng giữa và vùng thấp, vì thực tế đất sử dụng cho trang trại ở vùng cao là rất lớn nên cần một lượng người tương đối để phục vụ. Nhưng nếu như tính số lao động trên 1 ha canh tác thì quả thực vùng núi cao lại là nơi có mật độ lao động thấp nhất, cụ thể mỗi người phải phụ trách tới 3.5 ha đất canh tác, đây là một con số quá lớn so với sức lao động của con người, hơn nữa vùng này địa hình phức tạp việc chăm sóc không hề dễ dàng như vùng giữa và vùng thấp.

### 3. Kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh của trang trại

#### 3.1. Kết quả sản xuất kinh doanh của trang trại

Bảng số liệu 4 cho thấy kết quả sản xuất kinh doanh của trang trại vùng thấp là cao nhất, vùng cao là thấp nhất. Nếu lấy kết quả bình quân của toàn tỉnh

làm căn cứ so sánh thì vùng cao có kết quả sản xuất kinh doanh bình quân chỉ bằng 56,26%, sản lượng bán ra chỉ bằng 45,83%, thu nhập chỉ bằng 16,87% mặc dù vùng cao có diện tích đất lớn nhất và lượng lao động bình quân cao nhất. Tuy nhiên kết quả sản xuất kinh doanh của các trang trại tỉnh Thái Nguyên tương đối ổn định, thu nhập tương đối đồng đều giữa các vùng vì lợi thế riêng có của vùng, chính vì vậy mặc dù suất đầu tư, chi phí, lao động khác nhau nhưng các trang trại vẫn có thu nhập tương đối bằng nhau.

Qua đây cho thấy mô hình kinh tế trang trại cần được quan tâm đầu tư hơn nữa nhằm phát triển một cách bền vững và ngày một nhân rộng hơn. Ngoài ra khi phân tích ta thấy hai loại hình sản xuất kinh doanh là trang trại lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản còn kém phát triển vì doanh thu từ hai loại hình này chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong các loại hình sản xuất kinh doanh khác. Trang trại lâm nghiệp của tỉnh Thái Nguyên mới bắt đầu đi vào hoạt động nên doanh thu thấp, cần phải có sự quan tâm hơn nữa cho mô hình này từ nhiều phía, ngoài những chương trình quốc gia về trồng rừng như chương trình 327, 661 của Chính phủ đã và đang thực hiện ở các tỉnh miền núi.

#### 3.2. Hiệu quả sản xuất của trang trại

Hiệu quả kinh tế rất quan trọng trong việc sản xuất kinh doanh của tất cả các thành phần kinh tế,

**Bảng 3: Lao động của trang trại tỉnh Thái Nguyên năm 2010**

STT	Loại hình trang trại	Toàn tỉnh		Vùng thấp		Vùng giữa		Vùng cao	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1	Tổng LĐ Thường xuyên	1812	100	380	100	755	100	677	100
	LĐ của hộ chủ TT	1493	82,4	291	76,6	651	86,2	551	81,3
	LĐ thuê mướn	319	17,6	89	23,4	104	13,8	126	18,7
2	Tổng số trang trại	588	100	118	20,1	268	45,6	202	34,3
3	Lao động bình quân	3,08		3,2		2,8		3,35	

Nguồn: số liệu điều tra

**Bảng 4: Kết quả sản xuất kinh doanh của trang trại tỉnh Thái Nguyên 2010**

ĐV: 1000đ

Chỉ tiêu thu nhập	Toàn tỉnh	Vùng Thấp	Vùng giữa	Vùng cao
1. Doanh thu BQ/TT	198.459	285.557	225.534	111.657
+ DT từ nông nghiệp BQ/TT	183.071	272.618	212.885	91.205
+ DT từ lâm nghiệp BQ/TT	3.818,4	3.099	1.107,9	7.834,5
+ DT từ thủy sản BQ/TT	2.909,8	5.581	1.661,1	3.006,6
+ DT từ phi NN BQ/TT	8.660	4.259	9.880,7	9.611,1
2. GTSPHH bán ra	175.813	268.260	199.068	90.956
3. Chi phí của trang trại	132.015	218.152	157.892	57.471
4. Thu nhập của trang trại	43.798	67.400	41.176,9	33.485

Nguồn: số liệu điều tra.

nó phản ánh lên trình độ và năng lực quản lý của chủ trang trại, cũng như việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh. Qua bảng 5, nếu ta lấy các chỉ tiêu hiệu quả kinh tế bình quân của các trang trại trên toàn tỉnh làm mốc so sánh thì có thể nhận xét như sau: GO/TT của vùng thấp đạt cao nhất và thấp nhất là vùng cao, điều này chứng tỏ tuy rằng số trang trại vùng thấp ít nhưng hiệu quả kinh tế lại lớn, vùng cao tuy rằng diện tích canh tác lớn nhưng hiệu quả kinh tế lại thấp. Nếu xét trên góc độ VA/IC thì vùng cao lại chiếm ưu thế nhất bởi diện tích đất canh tác được thiên nhiên ưu đãi, đây là lợi thế của vùng. Còn lại các chỉ tiêu kinh tế khác thì hoàn toàn vùng thấp chiếm ưu thế, đến vùng giữa và cuối cùng là vùng cao, điều này cho thấy trình độ, kỹ thuật canh tác... rất quan trọng trong việc đầu tư vào lĩnh vực kinh tế trang trại nhằm thu lợi nhuận, hơn nữa một vấn đề mà tác giả muốn đề cập đó là thị trường tiêu thụ sản phẩm, khi mà vùng cao chỉ

đạt giá trị khoảng 51.73% so với toàn tỉnh. Điều đó cho thấy việc tiếp cận thị trường của vùng cao là rất khó khăn, cần có những chính sách trợ giá trợ cước cho các mặt hàng nông sản phẩm của vùng này phát triển, ngoài ra cần lưu tâm hơn nữa về cơ sở hạ tầng nông thôn vùng núi nhằm giảm bớt khoảng cách giữa các vùng.

Qua phân tích hiệu quả kinh tế của các trang trại ở 3 vùng cho thấy: *Vùng thấp*: giá trị sản xuất kinh doanh bình quân của 1 trang trại là 285.557.000.đ bằng 255,7%, thu nhập bình quân trên một trang trại là 67.405.000.đ bằng 201% so với vùng cao. Chính những điều đó có tác động lớn đến hiệu quả kinh tế của trang trại, ví dụ GO/LĐ là 88.68 triệu đồng, điều này có nghĩa giá trị sản lượng sản xuất ra tính trên một lao động là rất cao, bởi vậy cần nhân rộng mô hình kinh tế trang trại; VA/LĐ là 20.93 triệu đồng, đồng nghĩa với giá trị tăng thêm một lao động

**Bảng 5: Hiệu quả kinh tế BQ/trang trại tỉnh Thái Nguyên năm 2010**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Toàn tỉnh	Vùng Thấp	Vùng giữa	Vùng cao
1. Giá trị SX của trang trại					
+ GO/TT	Tr.đ	198,46	285,55	225,53	111,65
+ VA/TT	Tr.đ	43,79	67,40	41,17	33,48
2. Hiệu quả chi phí					
+ GO/IC	Lần	1,50	1,31	1,22	1,42
+ VA/IC	Lần	0,33	0,31	0,22	0,42
3. Hiệu quả sử dụng lao động					
+ GO/LĐ	Tr.đ	64,43	88,68	80,06	33,32
+ VA/LĐ	Tr.đ	14,22	20,93	14,61	9,99
4. Giá trị hàng hóa bán ra					
+ GHH/TT	Tr.đ	175,81	268,26	199,06	90,95
+ GHH/LĐ	Tr.đ	57,08	83,31	70,66	27,14
+ GHH/IC	Lần	1,33	1,23	1,08	1,16

Nguồn: số liệu điều tra.

trên tháng là 1.744.166.đ; GHH/IC là 1.23 lần, chứng tỏ tỷ suất hàng hóa bán. *Vùng giữa*: Thu nhập bình quân trong vùng đạt 41.176.000đ có giá trị sản xuất kinh doanh bình quân 225.534.000 đ, mặc dù diện tích đất bình quân trên 1 trang trại chỉ chiếm 0,96 ha. Giá trị hàng hóa bán ra trên lao động là rất cao đạt 70,67 triệu đồng và cao nhất vẫn là trang trại chăn nuôi đạt 82,53 triệu đồng. *Vùng cao*: Chủ trang trại chủ yếu là nông dân, trình độ về mọi mặt đều thấp, không mạnh dạn đầu tư, bình quân mỗi trang trại chỉ có chi phí là 78.172.000.đ, thấp hơn hẳn so với các vùng khác. Chính những yếu tố trên đã ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của trang trại, thu nhập bình quân trên trang trại là 33.485.000.đ. Qua thực tế điều tra, tác giả thấy thế mạnh của vùng là diện tích đất rất rộng, tỷ số VA/IC là rất lớn, như trang trại trồng cây ăn quả chỉ phải bỏ ra 1 đồng chi phí thì được 1,26 đồng tăng thêm. Bình quân mỗi trang trại có tới 11,7 ha đất các loại, nếu tính chỉ số thu nhập trên diện tích thì vùng này có thu nhập rất thấp. Bởi vậy, muốn phát huy hết tiềm năng thế mạnh của vùng phải chú ý tới việc cơ cấu các ngành sản xuất trong từng trang trại.

#### **4. Một số yếu tố chính ảnh hưởng đến phát triển kinh tế trang trại**

\* *Thị trường tiêu thụ sản phẩm*: Thái Nguyên là trung tâm vùng, là nơi đào tạo lớn thứ 3 trên toàn quốc, lượng học sinh chuyên nghiệp lớn, Thái Nguyên cũng là thành phố công nghiệp, có tiềm năng tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Chính điều này quyết định sự phát triển của kinh tế trang trại.

\* *Vốn và lao động*: Về vốn hiện nay, các trang trại chủ yếu là do các hộ nông dân tự phát thành lập, trên cơ sở số vốn tự có thấp, chính điều này rất khó khăn cho trang trại mở rộng quy mô nên tổng giá trị kinh tế cũng rất ít. Trong khi đó, đầu tư cho kinh tế trang trại theo phân tích ở trên thì vấn đề là nếu đầu tư lớn sẽ thu lợi nhuận cao. Bởi vậy, làm sao huy động vốn bằng nhiều hình thức, nhiều tầng lớp trong xã hội nhằm thúc đẩy kinh tế trang trại trong tỉnh phát triển mạnh mẽ. *Yếu tố lao động*, cần có sự tuyên truyền sâu rộng đến mọi tầng lớp trong xã hội, để nhận thức được rằng lao động làm thuê trong nông nghiệp cũng là một nghề đáng được tôn vinh như mọi nghề khác, nhằm xoá đi những mặc cảm của lao động làm thuê trong nông nghiệp, cũng như

cổ vũ lòng say mê nghề nông vốn có của dân tộc ta. Hiện nay, số lao động làm thuê trong trang trại của nước ta là rất thấp, cũng là do sự nhìn nhận thiếu hiểu biết của nhiều tầng lớp trong xã hội.

\* *Yếu tố nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp từ nước ngoài*: Hiện nay, sản phẩm nông nghiệp được nhập khẩu vào nước ta rất lớn, chủ yếu là sản phẩm tinh, mẫu mã đẹp, giá đắt, đáp ứng được nhu cầu của một số người có thu nhập cao trong xã hội. Điều này gây cản trở lớn đối với hàng hóa sản phẩm nông nghiệp trong nước. Nền kinh tế sản xuất hàng hóa nông nghiệp ở nước ta còn kém phát triển, sản lượng thấp, giá thành cao, manh mún không tập trung, khó cho việc thành lập các cơ sở chế biến.

#### **5. Giải pháp chủ yếu nhằm phát triển kinh tế trang trại ở tỉnh Thái Nguyên**

##### **5.1. Chính sách về đất đai cho phát triển kinh tế trang trại**

Hiện nay, việc giao đất giao rừng cho từng hộ nông nghiệp đã được thực hiện một cách triệt để, nhưng ruộng đất vẫn đang rất dần trải manh mún do lịch sử để lại. Việc dồn điền đổi thửa là rất khó thực hiện, bởi việc đổi mới trong nếp nghĩ cũng như cách làm kinh tế của các hộ nông dân còn rất khác nhau. Vì vậy, cần có một cuộc cách mạng lớn trong chính sách đất đai, ưu tiên cho những đối tượng phát triển kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa. Điều này đồng nghĩa với việc tỉnh Thái Nguyên cần có những chính sách hỗ trợ cụ thể cho từng vùng, nhất định để công cuộc dồn điền đổi thửa sớm được thực hiện ở mọi nơi trên địa bàn. Ngoài ra, cần tuyên truyền sâu rộng, việc lợi ích khi dồn điền đổi thửa cho mọi tầng lớp nhân dân hiểu rõ, nhằm đạt lợi ích to lớn của các chủ trang trại cũng như của quốc gia.

##### **5.2. Phát triển hệ thống khuyến nông và thành lập trung tâm tư vấn kỹ thuật nông nghiệp**

Hiện nay, mạng lưới khuyến nông của tỉnh đã rộng khắp trên địa bàn, rất thuận lợi cho tất cả các nhà sản xuất nông nghiệp nói chung, các chủ trang trại nói riêng. Các trung tâm, trạm khuyến nông không những là địa chỉ tin cậy về mặt khoa học mà còn là yếu tố tinh thần động viên các nhà sản xuất nông nghiệp mạnh dạn hơn khi có ý định phát triển sản xuất nông nghiệp. Từ năm 1991, tổ chức CIDSE giúp đỡ cho tỉnh Thái Nguyên dự án đào tạo lại đội ngũ cán bộ kỹ thuật nông, lâm nghiệp, thủy lợi. Kết

quả, có 105 cán bộ kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi đã được đào tạo. Hoạt động của hệ thống khuyến nông tại Thái Nguyên trong những năm qua đã góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế trang trại. Nên thành lập riêng từng lớp tập huấn về từng loại hình trang trại, nhằm chuyên môn hóa cũng như tiện cho việc học hỏi kinh nghiệm giữa các chủ trang trại. Bên cạnh đó, cần cho phép thành lập các trung tâm tư vấn kỹ thuật nông nghiệp, ngoài hệ thống khuyến nông dạng sự nghiệp có thu, nếu thu không đủ bù chi thì ngân sách tỉnh sẽ cân đối hỗ trợ một phần nhằm đáp ứng được yêu cầu cấp bách của các trang trại.

### **5.3. Hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng**

Hệ thống này hoàn thiện sẽ tiện cho việc giao lưu, trao đổi hàng hóa giữa các vùng, miền nhằm giảm chi phí sản xuất tối đa, ngoài ra còn góp phần nâng cao chất lượng hàng hóa. Chính điều này là sự chần chừ của nhiều chủ trang trại, vì thực tế các chủ trang trại không thể tự mình gánh vác việc này mà phải có sự can thiệp của Nhà nước. Hiện nay các vùng sâu, xa đang được hưởng chương trình 134;135 của Thủ tướng Chính phủ, nhằm phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn vùng sâu, xa và các xã đặc biệt khó khăn. Điều này cơ bản đã giải quyết được phần nào vấn đề giao thông giữa các vùng, nhưng còn đường giao thông liên thôn, liên xã hiện nay ở tỉnh Thái Nguyên vẫn còn rất khó khăn, cần có sự quan tâm hơn nữa từ các cấp chính quyền. Bên cạnh đó, cần có giải pháp thúc đẩy nhanh việc phủ sóng truyền thanh, truyền hình đến những xã chưa có và được tiếp cận với nền khoa học hiện đại của nhân loại. Nâng cấp hệ thống thông tin liên lạc với các nơi đã có hệ thống này từ trước, để tất cả các trang trại đều có thể giao lưu, học hỏi kinh nghiệm lẫn nhau, cũng như trao đổi mọi thông tin về thị trường và các biến động về giá đầu vào cho sản xuất.

### **5.4. Tăng cường đầu tư tín dụng cho các trang trại và hình thành sự hợp tác giữa các trang trại**

Tỉnh cần có quyết sách mạnh mẽ trong việc cho vay vốn đối với trang trại. Cần có những tín chấp hoặc các chương trình cụ thể việc hỗ trợ vay vốn của trang trại, hoặc phải mạnh dạn trích một phần ngân sách của tỉnh hỗ trợ cho các trang trại. Theo tác giả, vấn đề này không thể phó thác cho ngân hàng vì các chủ trang trại chỉ có ruộng đất và các

sản phẩm chưa thu hoạch trên chính mảnh đất đó nên khi mà thiên tai, dịch bệnh xảy ra thì thời gian thu hồi vốn phải là vài năm nếu may mắn. Chính điều này làm cho việc bảo toàn vốn là rất khó khăn, mà ngân hàng thì kinh doanh tiền tệ, ưu tiên sinh lợi và bảo tồn vốn. Giả sử chủ trang trại không còn khả năng sản xuất kinh doanh nữa thì việc phát mãi tài sản của trang trại sẽ gặp khó khăn, ai sẽ là người mua (vì những người chung quanh hay làng xóm của chủ trang trại thường không có tiền)? Ngoài ra, việc hợp tác giữa các trang trại trong sản xuất kinh doanh cũng là hết sức cần thiết, giúp họ học hỏi lẫn nhau về kinh nghiệm sản xuất, đối phó lại các loại dịch bệnh cũng như nhiều lĩnh vực khác.

### **5.5. Phát triển các khu công nghiệp chế biến**

Chính việc phân vùng của các trang trại và định hướng phát triển các trang trại này theo hướng chuyên môn hóa, nó tạo tiền đề cho việc phát triển công nghiệp chế biến. Chỉ có tạo nên vùng chuyên canh, vùng nguyên liệu thì công nghiệp chế biến mới phát triển được, bởi rất nhiều yếu tố chứa đựng trong chi phí sản xuất mà nhà đầu tư phải quan tâm. Đó là các yếu tố đầu vào của nguyên liệu như: giá thành nguyên liệu, chi phí vận chuyển, tỷ lệ dập nát trong khâu vận chuyển, sản lượng lớn hay nhỏ... Nếu sản lượng lớn và gần khu chế biến thì giá thành sẽ hạ và có khả năng cạnh tranh cao hơn.

#### **6. Giải pháp cụ thể cho từng loại hình trang trại**

\* *Đối với trang trại trồng cây hàng năm:* Nên tạo thế mạnh loại hình này ở vùng thấp, vì vùng này tương đối bằng phẳng giao thông thuận tiện, dễ dàng trong việc tiêu thụ. Hơn nữa, tạo được vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến. Theo tác giả, nên mạnh dạn đầu tư cho vùng này chủ yếu để trồng cây hàng năm, ngoài ra kết hợp với chăn nuôi tiểu gia súc và gia cầm, nhằm tạo nguồn phân hữu cơ phục vụ tại chỗ cho trồng trọt và tận dụng các sản phẩm phụ của cây trồng phục vụ ngược trở lại cho chăn nuôi.

\* *Đối với trang trại trồng cây ăn quả- trang trại lâm nghiệp- nuôi trồng thủy sản:* Các loại hình trang trại này nên bố trí ở vùng cao vì diện tích đất và ao hồ rộng, cần có một quy hoạch thật tỷ mỉ nhằm hỗ trợ nhau trong nuôi trồng cũng như khai thác. Cần khoanh vùng các eo núi tạo nên ao hồ nhằm phục vụ cho việc nuôi trồng thủy sản và cũng là nguồn nước

tưới cho cây trồng, cũng như tạo môi trường sinh thái bền vững.

\* *Đối với trang trại chăn nuôi*: Cần phát triển mạnh chăn nuôi gia súc ở vùng giữa, đại gia súc và gia cầm ở vùng cao, nhằm tận dụng hết thế mạnh của vùng. Ngoài ra, tạo một vùng chăn nuôi sẽ không chế được dịch bệnh một cách dễ dàng, đây là mối quan tâm lớn nhất trong giai đoạn hiện nay. Hơn nữa, các chủ trang trại cần chú ý làm sao chủ động được nguồn giống để tránh mang dịch bệnh từ nơi khác đến. Ví dụ, một trang trại nuôi khoảng 400 con lợn thịt mỗi năm, thì nên nuôi khoảng 20-25 lợn nái và 1 lợn đực giống nhằm chủ động về giống nuôi, cũng như hoàn toàn kiểm soát được dịch bệnh.

\* *Đối với trang trại SXKD tổng hợp*: Cần bố trí cơ cấu loại hình này sao cho phù hợp để có khả năng hỗ trợ cho các loại hình trang trại khác. Cần phải thường xuyên có con số thống kê cụ thể nhằm tránh việc tăng hoặc giảm quá mức loại hình này, vì loại hình trang trại này là chủ yếu để phục vụ trở lại cho các loại hình trang trại khác hoạt động có hiệu quả. Do vậy, tỷ lệ khoảng 10% trong tổng số trang trại của vùng/tỉnh là thích hợp.

## 6. Kết luận

Phát triển kinh tế trang trại ở tỉnh Thái Nguyên là một định hướng đúng đắn, góp phần chuyển nền nông nghiệp truyền thống sang nông nghiệp phát triển hàng hoá, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn góp phần vào thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn của Đảng và Nhà nước ta. Trong thời gian tới, kinh tế trang trại sẽ phát triển mạnh mẽ kể cả về quy mô, số lượng nó góp phần tích tụ và tập trung trong nông nghiệp. Vì vậy, kinh tế trang trại cần phải được khuyến khích và tạo động lực phát triển hơn nữa. Để hình thành và phát triển kinh tế trang trại, tỉnh Thái Nguyên cần phải giải quyết đồng bộ các vấn đề về luật pháp, đất đai, lao động, vốn, khoa học, chế biến, tiêu thụ... Trong đó, yêu cầu về vốn có vai trò, vị trí rất quan trọng hàng đầu trong giai đoạn hiện nay. Muốn vậy, các cấp các ngành cần có sự chỉ đạo cũng như các phương hướng nhằm giảm thiểu các thủ tục phiền hà khi cho các trang trại vay vốn ngân hàng, cũng như cần có sự bảo lãnh, tín chấp của tỉnh nhằm tạo điều kiện tối đa cho trang trại phát triển. □

### Tài liệu tham khảo:

1. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên (2006), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế tỉnh Thái Nguyên năm 2006*.
2. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên, *Niên giám thống kê năm 2003*.
3. Cục thống kê tỉnh Thái Nguyên, *Niên giám thống kê năm 2005*.
4. Nguyễn Văn Tuấn (2001) *Giáo trình quản lý trang trại nông lâm nghiệp*, Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội.
5. Quốc hội khóa XI, *Luật đất đai năm 2003 tại kỳ họp thứ 4*.
6. Sở NN&PTNT Thái Nguyên (2005), *Báo cáo quy hoạch phát triển nông nghiệp&PTNT trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2005-2015 có tính đến 2020*.
7. Trần Đức (1998) *kinh tế trang trại vùng đồi núi*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
8. Trung tâm khuyến nông Thái Nguyên phát hành với sự giúp đỡ của tổ chức CIDSE (2001), *Khuyến nông Thái Nguyên với sự tham gia của nông dân*, Nhà xuất bản Nông nghiệp, Hà Nội.
9. UBND tỉnh Thái Nguyên, (2005), *Dự thảo quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2005-2015 có tính đến 2020*.